

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 18-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Sỹ

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng

Ông Nguyễn Đăng Hòa

Ông Phan Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 25/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HS ngày 04/3/2024 đối với bị cáo:

ĐOÀN ĐỖ HỮU P1, sinh ngày 29/8/1998, tại Bình Định; nơi cư trú: **Xóm A, thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định**; nghề nghiệp: Thợ thạch cao; học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con bà **Đỗ Thị H**; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/4/2023, đến ngày 07/5/2023 thì bị tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam **Công an tỉnh G**. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Đặng Ngọc B** – Luật sư của **Văn phòng L** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh G**. Có mặt.

* **Bị hại:** Anh **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: **Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

- Bà **Trần Thị Ngọc C**, sinh năm 1967 và ông **Nguyễn M**, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: **Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

- Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: **Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại: Ông Nguyễn Đình C1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm A, thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt

* **Người làm chứng:**

1. Anh Kpuih Thanh T2, sinh năm 2003. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Trần V, sinh năm 2005. Có mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Anh Nguyễn Viết T3, sinh năm 2002. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

4. Anh Nguyễn Công H1, sinh năm 2003. Có mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

5. Anh Hoàng C2, sinh năm 1997. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

6. Anh Ngô Hoàng P, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ H, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

7. Anh Nguyễn Huy Q, sinh năm 1997. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

8. Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 2005. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

9. Anh Nông Văn Q1, sinh năm 1997. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Gia Lai.

10. Anh Huỳnh Tuấn T4, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

11. Anh Lê Chí M1, sinh năm 2000. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

12. Anh Trần Minh T5, sinh năm 2005. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

13. Anh Chế Công T6, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 27/4/2023, Nguyễn Viết T3, Trần V, sau khi đi làm về thì cùng nhau ghé vào nhà anh Nguyễn Tấn T (sinh năm 1986, trú tại thôn A, xã I, huyện C, anh T làm nghề cửa sắt, là người khuyết tật nghe, nói bẩm sinh nhưng tự học và biết làm nghề cửa sắt) chơi. Sau đó 03 người rủ nhau đến quán nhậu của chị Đinh Thị Thùy N, gần nhà anh T để uống rượu. Đến khoảng hơn

20 giờ thì thấy anh Nguyễn Tiến Đ (sinh năm 2005, trú tại: Thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định), là thợ sơn nhà, đang thuê nhà anh T6 để ở thi công nhà cho bà Nguyễn Thị H2, đi qua mua nước uống. Thấy trên lưng người này có hình xăm nên sau khi Đ đi về thì anh T có cử chỉ, hành động để nói chuyện, giao tiếp với Nguyễn Viết T3 về việc anh T không thích mấy người thợ xây đang ở nhà anh T6, mấy người đó không gọn gàng, cẩn thận, anh T muốn qua đánh mấy người đó. T hỏi T3 có qua đánh được không thì T3 nói để hỏi chủ nhà là anh T6 xem sao. T3 nói V gọi cho anh Chế Công T6 hỏi, V đã gọi điện cho anh T6 hỏi có đánh mấy người thợ xây đang thuê nhà anh T6 ở được không thì anh T6 không đồng ý. V đã nói lại cho T3 biết việc anh T6 không cho đánh nhau trong nhà anh ấy. T3 diễn tả cho anh T biết rồi cả nhóm nhậu tiếp.

T, T3 và V uống rượu tiếp đến khoảng 20 giờ 50 phút thì nghỉ, khi ra về thì anh T không chịu về mà đi sang nhà anh T6 để gây sự với mấy người thợ xây, T3 và V có khuyên can gọi anh T về nhưng anh T không đồng ý. T3 nói V chạy về nhà anh T lấy gậy sắt lên và đi gọi thêm người đến hỗ trợ, V đã lấy xe mô tô chạy về nhà anh T nhặt 03 cây sắt vuông (loại ống sắt hình hộp vuông, cây thứ nhất dài 84,5cm, cạnh vuông 3cm; cây thứ 2 dài 73cm, cạnh vuông 2cm; cây thứ 3 dài 48cm, cạnh vuông 2,3cm) rồi cầm chạy lên để dưới đất nơi anh T và T3 đang đứng, sau đó chạy đi gọi thêm người. Khi V chạy xe về nhà anh Nguyễn Văn N1 (bị cầm điếu bầm sinh, trú tại thôn D, xã I, huyện C) để chở anh N1 đến tham gia thì thấy Nguyễn Công H1 và Kpuih Thanh T2 đang uống cà phê bên đường nên V ghé vào nói với họ về việc anh T đang chuẩn bị đánh nhau trên quán chè N, V nói H1 và T2 chạy lên đó coi sao rồi chạy đi chở N1. Sau đó V chở N1 đến nơi anh T và T3 đang đứng trước nhà anh T6. Khi đến nơi, N1 bước xuống đứng cùng cả nhóm, còn V chạy đi công việc ở gần đó. Khi thấy có thêm H1, T2 và N1 đến thì anh T liền đi vào trong sân nhà anh T6, lúc này trong nhà anh T6 có khoảng 10 người là thợ xây, thợ sơn nhà, đang ở trọ để thi công nhà cho bà Nguyễn Thị H2 gồm: Nguyễn Quốc D, Trần Minh T5, Nông Văn Q1, Nguyễn Huy Q, Ngô Hoàng P, Nguyễn Tiến Đ, Huỳnh Tấn T7, Hoàng C2, Lê Chí M1, Đoàn Đỗ Hữu P1. Nguyễn Viết T3, Kpuih Thanh T2 và Nguyễn Công H1 đứng ngoài thấy vậy nghĩ anh T vào để gây sự đánh nhóm thợ xây nên mỗi người cầm lấy 01 cây sắt do V mang đến trước đó. Khi đi vào nhà, anh T đi thẳng xuống bếp - nơi anh Trần Minh T5 và Nguyễn Quốc D đang dọn dẹp, T đến cầm tay anh T5 kéo đi lên phòng khách, khi đến phòng khách thì dùng tay đánh vào mặt của anh T5 02 cái nhưng anh T5 không có hành vi phản ứng gì, đánh anh T5 xong thì T thấy Nguyễn Quốc D nên kéo lại dùng tay nắm 02 cái vào đầu của D, lúc này Đoàn Đỗ Hữu P1 đến can ngăn thì bị T dùng tay nắm vào mặt.

Bực tức vì vô cớ bị đánh P1 đã đi xuống bếp lấy con dao dài 39cm (loại dao chặt xương to bản, lưỡi dài 26cm, bản lưỡi chỗ rộng nhất 6,5cm; cán bằng gỗ hình trụ dài 13cm), cầm bằng tay phải rồi đi lên mục đích để dọa đuổi anh T

đi, lúc này anh **T** cũng đi theo Pháp xuống bếp, khi xuống đến cuối đường luồng thì gặp **P1** cầm dao đi lên, anh **T** lao đến định đánh tiếp thì **P1** cầm dao bằng tay phải giơ lên cao chém mạnh xuống vùng đỉnh thái dương trái của anh **T** gây chấn thương sọ nặng (gây dập não, xuất huyết não, xuất huyết dưới nhện...). Trong khi anh **T** vào nhà đánh nhóm thợ xây trong nhà, **T3**, **T2**, **H1** và **N1** có cầm ống sắt nhưng chỉ đứng ở ngoài sân không vào nhà, cũng như không có lời nói hay hành động gì để hô hào, kích động việc anh **T** đánh nhóm thợ xây, nhóm thợ xây cũng không có ai phản ứng, hô hào kích động gì khi thấy **T** đánh **T5**, **D** thì chỉ có **P2** can ngăn và bị **T** đánh trúng. Khi thấy anh **T** bị chém thì **T2**, **T3** cầm cây sắt chạy vào dọa đánh nhóm thợ xây rồi đưa anh **T** ra ngoài để chờ đi cấp cứu tại **Bệnh viện Đ2**, anh **T** cấp cứu đến ngày 10/5/2023 thì xuất viện, Đoàn **Đồ Hữu P1** đến **Công an xã I** đầu thú và khai nhận hành vi của mình.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 234/KLTTCT-TTPY ngày 05/5/2023, **Trung tâm pháp y tỉnh G** kết luận:

- 01 vết thương + vết mổ nằm dọc vùng thái dương trán trái
- 01 vết thương nằm dọc gò má trái
- 01 vết mổ dẫn lưu vùng thái dương trái
- Chấn thương sọ não gây dập não, xuất huyết này đã phẫu thuật điều trị

ngày thứ 8.

- Chấn thương sọ não gây xuất huyết khoang dưới nhện ngày thứ 8
- Chấn thương gây gãy cung tiếp xương gò má trái
- Chấn thương gây vỡ xương vòm sọ vùng thái dương - trán trái

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của **Nguyễn Tấn T** là 46%.

- Kết luận khác:

+ Cơ chế: Do sự tác động trực tiếp.

+ Vật gây thương tích: Phù hợp với sự tác động của vật sắc có cạnh bén. Vì vậy con dao được Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** cung cấp là vật phù hợp có thể gây ra thương tích nêu trên cho anh **Nguyễn Tấn T**.

+ Tại thời điểm giám định bệnh nhân đang điều trị trong tình trạng hôn mê sâu nên chưa có cơ sở đánh giá tình trạng thần kinh khu trú của bệnh nhân.

Ngày 20/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh G** ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 661/KLTTCT-TTPY ngày 15/01/2024, **Trung tâm pháp y tỉnh G** kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y** quy định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Nguyễn Tấn T** tại thời điểm giám định là: 60% , áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y** quy định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định

pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Nguyễn Tấn T** của cả hai lần giám định là: 79%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Căn cứ hồ sơ bệnh án điều trị tại **Bệnh viện T9** được chuẩn đoán: Rối loạn tâm thần và hành vi do tổn thương não. Tại thời điểm giám định bệnh nhân trong tình trạng kích động, la hét, không kiểm soát được hành vi. Vì vậy, đây là bệnh lý rối loạn tâm thần và hành vi do hậu quả của chấn thương sọ não.

Tại bản Kết luận giám định số 1228/KL-KTHS ngày 04/7/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại **TP.** kết luận:

- Trên con dao và áo sơ mi có máu người, do chất lượng dấu vết kém nên ADN phân tích được không đủ điều kiện để truy nguyên đối tượng.

- Trên mẫu ghi máu thu tại hiện trường có máu của **Nguyễn Tấn T.**

*** Vật chứng của vụ án:**

- Con dao dài 39cm (loại dao chặt xương), lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản lưỡi chỗ rộng nhất 6,5cm, cán bằng gỗ hình trụ dài 13cm, hai đầu cán có bọc vòng kim loại.

- 01 cái áo sơ mi dài tay màu trắng, sọc đỏ, dài 60cm, rộng 40cm.

- Chết màu nâu thu tại hiện trường;

- 03 cây sắt vuông (loại ống sắt hình hộp vuông), cây thứ nhất dài 84,5cm, cạnh vuông 3cm; cây thứ 2 dài 73cm, cạnh vuông 2cm; cây thứ 3 dài 48cm, cạnh vuông 2,3cm.

*** Về trách nhiệm dân sự :**

Đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu chi phí điều trị và tiền tổn thất tinh thần là: 231.874.500 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con anh **T** là cháu **Nguyễn Tấn K** (sinh năm 2017) với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng đến năm 18 tuổi, do anh **T** mất khả năng lao động.

Gia đình bị cáo **Đoàn Đỗ Hữu P1** đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại **Nguyễn Tấn T** số tiền là 22.000.000 đồng. Gia đình bị hại **Nguyễn Tấn T** yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS-P2 ngày 24/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo **Đoàn Đỗ Hữu P1** về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

- Bị cáo **Đoàn Đỗ Hữu P1** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo thấy hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại với người đại diện hợp pháp của bị hại.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Đoàn Đỗ Hữu P1** phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 15, Điều 57 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Đoàn Đỗ Hữu P1 mức án từ 12 (mười hai) đến 13 (mười ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về trách nhiệm dân sự của bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- Con dao dài 39cm (loại dao chặt xương), lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản lưỡi chỗ rộng nhất 6,5cm, cán bằng gỗ hình trụ dài 13cm, hai đầu cán có bọc vòng kim loại.

- 01 cái áo sơ mi dài tay màu trắng, sọc đỏ, dài 60cm, rộng 40cm.

- Chất màu nâu thu tại hiện trường;

- 03 cây sắt vuông (loại ống sắt hình hộp vuông), cây thứ nhất dài 84,5cm, cạnh vuông 3cm; cây thứ 2 dài 73cm, cạnh vuông 2cm; cây thứ 3 dài 48cm, cạnh vuông 2,3cm.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng như cáo trạng, đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với người đại diện hợp pháp của người bị hại.

- Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại: Về phần bồi thường dân sự, đồng ý thỏa thuận về chi phí bồi thường là 231.000.000 đồng, trong đó chi phí điều trị, phục hồi là 127.000.000 đồng; chi phí đi lại, thuê nhà trọ và chi phí bị mất thu nhập của 01 người chăm sóc bị hại là 14.000.000 đồng; bồi thường về tổn thất tinh thần tương đương 50 tháng lương là 90.000.000 đồng. Về phần hình phạt, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành; mọi tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[1.2] Về nhân thân của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo không biết cha đẻ của bị cáo là ai; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H là mẹ của bị cáo cũng xác nhận, cha đẻ của bị cáo không phải là ông Đoàn Văn T8 vì ông T8 là chồng trước và đã bỏ đi, sau đó bà chung sống với 01 người đàn ông vắng lai khác sinh ra bị cáo, bà làm mẹ đơn thân và không biết tên của cha đẻ của bị cáo

là gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không ghi tên cha của bị cáo tại phần lý lịch bị cáo.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người làm chứng tại phiên tòa, có cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 20 giờ 50 phút ngày 27/4/2023, anh **Nguyễn Tấn T** đi vào nhà anh **Chế Công T6** rồi đánh, tát anh **Trần Minh T5**, **Nguyễn Quốc D** cùng là bạn thợ với bị cáo **Đoàn Đỗ Hữu P1** đang thuê trọ tại nhà anh **T6**, bị cáo **P1** vào can ngăn thì bị anh **T** đâm vào mặt nên bị cáo bức tức xuống bếp lấy 01 con dao chặt xương to bản, cùng lúc anh **T** đi xuống để tiếp tục đánh bị cáo nên bị cáo đã dùng dao chém 01 nhát vào vùng đầu của anh **T**. Hậu quả anh **T** bị tổn thương 79% sức khỏe.

Hành vi của bị cáo xuất phát từ lỗi của bị hại đã vô cớ vào nhà anh **Chế Công T6** đánh thợ, bị cáo can ngăn thì bị hại đâm vào mặt bị cáo. Tuy nhiên, tại thời điểm này nhóm thợ có đông người, bản thân bị cáo có thể lựa chọn cách hành xử đúng đắn nhưng bị cáo lại xuống bếp lấy con dao chặt xương để phản kháng và đã chém 01 nhát vào vùng đầu bị hại, cho thấy hành vi của bị cáo là có tính chất côn đồ, với vết thương của bị hại như kết luận giám định thì việc bị hại không chết là do được cứu chữa kịp thời và ngoài mong muốn của bị cáo. Áp dụng Án lệ số 47/2021/AL “Về việc xác định tội danh trong trường hợp bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể bị hại” thì việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo tội “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm sức khỏe, nguy cơ thiệt hại tính mạng của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương.

Hành vi phạm tội của bị cáo có nguyên nhân xuất phát từ một phần lỗi của bị hại. Thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Do đó, Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị hại bị tật câm, điếc được xác nhận là khuyết tật nặng theo Giấy xác nhận khuyết tật số 64/632/23908/60 của **Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội với người bị khuyết tật nặng” quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đầu thú; thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường một phần cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện thoả thuận bồi thường toàn bộ cho bị hại; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị hại có một phần lỗi. Do

đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo được áp dụng quy định về phạm tội chưa đạt theo Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận tổng số tiền bồi thường là 231.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

127.000.000 đồng chi phí cứu chữa, phục hồi sức khỏe; 14.000.000 đồng chi phí đi lại, thuê trọ và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị; tổn thất tinh thần tương đương 50 tháng lương cơ sở là 90.000.000 đồng. Gia đình bị cáo đã bồi thường 22.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường 209.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền bị cáo còn phải bồi thường nêu trên giao cha, mẹ và vợ của bị hại là bà **Trần Thị Ngọc C**, ông **Nguyễn M**, chị **Nguyễn Thị T1** nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên của bị hại là **Nguyễn Tân K**: Do cháu **K** đã chết, nên tại phiên tòa phía bị hại không yêu cầu.

Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận này là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên công nhận sự thỏa thuận, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại 209.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Điều không có giá trị sử dụng hoặc là phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. Bao gồm:

- Con dao dài 39cm (loại dao chặt xương), lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản lưỡi chỗ rộng nhất 6,5cm, cán bằng gỗ hình trụ dài 13cm, hai đầu cán có bọc vòng kim loại.

- 01 cái áo sơ mi dài tay màu trắng, sọc đỏ, dài 60cm, rộng 40cm.

- Chắt màu nâu thu tại hiện trường;

- 03 cây sắt vuông (loại ống sắt hình hộp vuông), cây thứ nhất dài 84,5cm, cạnh vuông 3cm; cây thứ 2 dài 73cm, cạnh vuông 2cm; cây thứ 3 dài 48cm, cạnh vuông 2,3cm.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với các vấn đề khác:

Trong vụ án, còn có hành vi tập trung đông người của nhóm bị hại ở khu dân cư vào đêm khuya để gây rối, đánh nhau của **Trần V**, **Nguyễn Viết T3**, **Kpuih Thanh T2**, **Nguyễn Công H1** và **Nguyễn Văn N1**. Tuy nhiên, khi anh **T** vào nhà đánh 02 thợ thì những người nói trên chỉ đứng nhìn không tham gia, bị đánh nhưng nhóm thợ xây cũng không đánh lại anh **T** và nhóm đi cùng anh **T**, chỉ có một mình **P1** dùng dao chém anh **T** gây thương tích. Mặt khác, vụ án diễn

ra trong một thời gian ngắn, không gây ồn ào, mất trật tự ở khu dân cư, chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng là ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Do đó, hành vi của các đối tượng nói trên chưa có đủ dấu hiệu của tội gây rối trật tự công cộng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Công văn số: 2523/ĐN-CSHS đề nghị UBND xã I, huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần V, Nguyễn Viết T3, Kpuih Thanh T2, Nguyễn Công H1 và Nguyễn Văn N1 về hành vi gây mất trật tự công cộng, kéo đông người để đánh nhau theo quy định tại Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Đỗ Hữu P1 phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 15, Điều 57 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Đỗ Hữu P1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 591 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với đại diện hợp pháp của bị hại về việc bị cáo Đoàn Đỗ Hữu P1 bồi thường cho bị hại là anh Nguyễn Tấn T tổng số tiền 231.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu đồng), gồm:

- 127.000.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu đồng) chi phí cứu chữa, phục hồi sức khỏe.

- 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) chi phí đi lại, thuê trọ và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị.

- 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) bồi thường tổn thất tinh thần.

Bị cáo đã bồi thường 22.000.000 đồng. Buộc bị cáo Đoàn Đỗ Hữu P1 phải tiếp tục bồi thường cho bị hại là anh Nguyễn Tấn T 209.000.000 đồng (Hai trăm lẻ chín triệu đồng).

Toàn bộ số tiền bị cáo còn phải bồi thường nêu trên giao cha, mẹ và vợ của bị hại là bà Trần Thị Ngọc C, ông Nguyễn M, chị Nguyễn Thị T1 nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy:

- Con dao dài 39cm (loại dao chặt xương), lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản lưỡi chỗ rộng nhất 6,5cm, cán bằng gỗ hình trụ dài 13cm, hai đầu cán có bọc vòng kim loại.

- 01 cái áo sơ mi dài tay màu trắng, sọc đỏ, dài 60cm, rộng 40cm.

- Chắt màu nâu thu tại hiện trường;

- 03 cây sắt vuông (loại ống sắt hình hộp vuông), cây thứ nhất dài 84,5cm, cạnh vuông 3cm; cây thứ 2 dài 73cm, cạnh vuông 2cm; cây thứ 3 dài 48cm, cạnh vuông 2,3cm.

(Vật chứng có số lượng, đặc điểm theo Biên bản bàn giao vật chứng số 86/2024 ngày 11/3/2024, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Đoàn Đỗ Hữu P1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.450.000 đồng (Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm; Người nêu trên vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại ĐN
- VKSND Cấp cao tại ĐN
- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Phòng HSNV – CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam T20;
- Bị cáo; Bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Hồng

